

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Báo cáo tài chính riêng quý 2
và bán niên cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thông tin về Tổng Công ty

Các văn bản thành lập Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 8) là ngày 29 tháng 10 năm 2020.

Hội đồng Quản trị

Bà Mai Kiều Liên
Ông Trịnh Quốc Dũng
Ông Trần Chí Sơn

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Quốc Dũng
Ông Nguyễn Đăng Khoa
Ông Lê Huy Bích

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính

Trụ sở đăng ký

519 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng quý đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng quý theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng quý được trình bày từ trang 3 đến trang 28 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng quý đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2021

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 +150)	100		638.888.059.969	610.804.339.842
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	118.967.669.849	40.010.097.362
Tiền	111		8.967.669.849	6.010.097.362
Các khoản tương đương tiền	112		110.000.000.000	34.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		506.000.000.000	519.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	506.000.000.000	519.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.749.465.981	50.818.223.579
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	1.703.630.549	1.120.235.488
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		450.855.165	317.945.965
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	150.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	10.833.980.267	50.720.765.735
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(239.000.000)	(1.490.723.609)
Hàng tồn kho	140		55.482.620	55.482.620
Hàng tồn kho	141		55.482.620	55.482.620
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.115.441.519	920.536.281
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		124.251.909	5.920.530
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		861.833.522	651.127.416
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	129.356.088	263.488.335

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng quý này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		347.680.800.368	319.045.220.223
Tài sản cố định	220		20.906.812.335	22.534.914.648
Tài sản cố định hữu hình	221	12	20.906.812.335	22.534.914.648
<i>Nguyên giá</i>	222		152.272.727.322	153.189.791.322
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(131.365.914.987)	(130.654.876.674)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		299.000.000	299.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(299.000.000)	(299.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		265.138.000	4.608.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		265.138.000	4.608.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250		326.232.807.329	296.146.866.648
Đầu tư vào công ty con	251	9(b)	305.187.265.465	273.674.217.765
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	9(b)	7.933.556.527	8.794.739.646
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	29.761.912.327	29.761.912.327
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(b)	(16.649.926.990)	(16.084.003.090)
Tài sản dài hạn khác	260		276.042.704	358.830.927
Chi phí trả trước dài hạn	261		221.951.587	277.694.251
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		54.091.117	81.136.676
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		986.568.860.337	929.849.560.065

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng quý này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		42.328.809.608	36.541.290.615
Nợ ngắn hạn	310		42.328.809.608	36.541.290.615
Phải trả người bán ngắn hạn	311		297.471.992	110.853.975
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.469.893.000	1.479.612.900
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	13	2.480.905.636	1.803.693.902
Phải trả người lao động	314		290.887.423	407.935.444
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	181.496.250
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	5.994.446.580	6.119.093.932
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	15	1.660.680.960	1.546.218.240
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	30.134.524.017	24.892.385.972
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		944.240.050.729	893.308.269.450
Vốn chủ sở hữu	410	17	944.240.050.729	893.308.269.450
Vốn cổ phần	411	18	631.010.000.000	631.010.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		631.010.000.000	631.010.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	414		51.837.101.300	40.851.017.209
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		261.392.949.429	221.447.252.241
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		204.968.126.105	111.586.411.336
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		56.424.823.324	109.860.840.905
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		986.568.860.337	929.849.560.065

Ngày 29 tháng 7 năm 2021

Người lập:



Hoàng Thị Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng quý này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTPC
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a- DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/ 2021 VND	Quý 2/ 2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	934.762.448	880.380.398	1.777.196.756	1.720.057.229
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 10)	10	19	934.762.448	880.380.398	1.777.196.756	1.720.057.229
Giá vốn hàng bán	11	20	600.945.080	574.545.676	991.923.801	1.115.067.421
Lợi nhuận/(lỗ) gộp (20 = 10 - 11)	20		333.817.368	305.834.722	785.272.955	604.989.808
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	58.686.735.911	10.488.898.208	65.623.944.492	68.260.339.443
Chi phí tài chính	22		565.923.900	738.997.681	565.923.900	738.997.681
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	3.615.948.958	788.408.789	6.725.359.985	4.716.684.230
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		54.838.680.421	9.267.326.460	59.117.933.562	63.409.647.340
Thu nhập khác	31		373.285.490	271.912.125	773.742.076	533.324.487
Chi phí khác	32		1.691.088.887	121.842.539	1.664.097.713	154.109.448
Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(1.317.803.397)	150.069.586	(890.355.637)	379.215.039

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng quý này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 02a-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/ 2021 VND	Quý 2/ 2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		53.520.877.024	9.417.396.046	58.227.577.925	63.788.862.379
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	752.353.315	1.957.948.356	1.775.709.042	2.413.823.168
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	13.522.780	13.522.779	27.045.559	27.045.558
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		52.755.000.929	7.445.924.911	56.424.823.324	61.347.993.653

Ngày 29 tháng 7 năm 2021

Người lập:



Hoàng Thị Hà
 Kế toán trưởng



Trịnh Quốc Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng quý này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	58.227.577.925	63.788.862.379
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	1.628.102.313	1.616.106.592
Các khoản dự phòng	03	680.386.620	(2.319.863.658)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(65.696.671.765)	(66.615.221.304)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(5.160.604.907)	(3.530.115.991)
Biến động các khoản phải thu	09	(949.067.932)	1.610.975.302
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(317.708.729)	(2.161.040.524)
Biến động chi phí trả trước	12	(62.588.715)	(23.737.319)
		(6.489.970.283)	(4.103.918.532)
Thuế TNDN đã nộp	15	(1.027.082.085)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(250.904.000)	(185.099.998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.767.956.368)	(4.289.018.530)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(260.530.000)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	72.727.273	-
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(506.000.000.000)	(530.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24	519.000.000.000	208.066.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(34.068.160.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	1.336.500.000	4.892.024.084
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	106.644.991.582	101.333.177.121
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	86.725.528.855	(215.708.798.795)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng quý này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền trả cổ tức	36	-	(37.443.894.270)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(37.443.894.270)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	78.957.572.487	(257.441.711.595)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	40.010.097.362	260.058.498.363
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 8)	70	118.967.669.849	2.616.786.768

Ngày 29 tháng 7 năm 2021

Người lập:



Hoàng Thị Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng quý này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quý đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21/06/1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 29 tháng 10 năm 2020.

(b) Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm chăn nuôi.

Hoạt động chính của Tổng Công ty và công ty con là:

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có 1 công ty con và 2 công ty liên kết (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 1 công ty con và 3 công ty liên kết) như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	30/6/2021		1/1/2021	
				Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty con							
1	Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (*)	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	Tỉnh Sơn La	51,00%	32,52%	51,00%	51,00%
Công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung (**)	Cung ứng tinh bò đông lạnh và cung ứng gia súc	Tỉnh Khánh Hòa	-	-	33,75%	33,75%
2	Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Sản xuất, cung ứng các sản phẩm premix phục vụ hoạt động chăn nuôi	Thành phố Hà Nội	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu sản phẩm Gia cầm Hải Phòng	Chế biến, bao quản thịt và các sản phẩm từ thịt; dịch vụ hỗ trợ cho vận tải	Tỉnh Hải Phòng	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%

(*) Ngày 25 tháng 1 năm 2021, Tổng Công ty hoàn tất việc mua 1.704.408 cổ phần của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu. Ngày 4 tháng 2 năm 2021, Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lên 1.100 tỷ đồng và công bố thông tin về báo cáo kết quả tăng vốn, theo đó số lượng cổ phần nắm giữ sau giao dịch của Tổng công ty là 35.771.572 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 32,52%. Hiện tại, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu là người do Tổng Công ty đề cử và được Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu, Tổng Công ty xác định Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu là công ty con của Tổng Công ty tại thời điểm lập Báo cáo này theo quy định tại Điều 195.1(b) của Luật doanh nghiệp 2020.

(**) Trong kỳ, Tổng Công ty đã thanh lý công ty liên kết này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có 18 nhân viên (1/1/2021: 18 nhân viên).



Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng quý này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất quý. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng quý này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất quý của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng quý, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng quý này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng quý này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm trái phiếu và khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng quý này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10 năm
▪ trang thiết bị văn phòng	3 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty thể hiện giá trị phần mềm máy vi tính. Giá trị tài sản vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 2 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng quý, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Trong kỳ, Tổng công ty đã hoàn tất việc thoái vốn tại 1 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	9.015.478	19.960.799
Tiền gửi ngân hàng	8.958.654.371	5.990.136.563
Các khoản tương đương tiền (i)	110.000.000.000	34.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	118.967.669.849	40.010.097.362

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tương đương tiền ngắn phản ánh các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ thời điểm kết thúc kỳ hoạt động với lãi suất từ 3,3%/năm (1/1/2021: 3,3%/năm).

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc niên độ kế toán với lãi suất từ 4,9%/năm đến 5,4%/năm (1/1/2021: từ 5,4%/năm đến 7,7%/năm).

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ % sở hữu	30/6/2021 Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ % sở hữu	1/1/2021 Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	32,52%	305.187.265.465	-	51,00%	273.674.217.765	-
		305.187.265.465	-		273.674.217.765	-
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu súc sản Gia cầm Hải Phòng	36,00%	4.614.583.308	(4.614.583.308)	36,00%	4.614.583.308	(4.614.583.308)
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	30,00%	3.318.973.219	-	30,00%	3.318.973.219	-
Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung	-	-	-	33,75%	861.183.119	-
		7.933.556.527	(4.614.583.308)		8.794.739.646	(4.614.583.308)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Chăn nuôi chế biến Xuất Nhập Khẩu	17,23%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	17,23%	4.685.428.501	(4.685.428.501)
Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	5,35%	7.467.100.000	-	5,35%	7.467.100.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Chăn nuôi Trung Ương	17,12%	17.609.383.826	(7.349.915.181)	17,12%	17.609.383.826	(6.783.991.281)
		29.761.912.327	(12.035.343.682)		29.761.912.327	(11.469.419.782)
Tổng cộng		342.882.734.319	(16.649.926.990)		312.230.869.738	(16.084.003.090)

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	214.752.738	167.573.384
Bên khác		
Công ty Cổ phần Phát triển TNS Việt Nam	1.098.798.412	630.323.714
Công ty Cổ phần XNK Vật liệu Xây dựng Cát Linh	239.000.000	239.000.000
Các khách hàng khác	151.079.399	83.338.390
	1.703.630.549	1.120.235.488

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	528.800.000	34.596.964.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.928.137.126	13.801.224.797
Phải thu người lao động	-	1.117.805.810
Phải thu về bán công ty liên kết	957.600.000	957.600.000
Phải thu về cổ phần hóa	79.100.000	79.100.000
Phải thu khác	340.343.141	168.071.128
	10.833.980.267	50.720.765.735

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	123.593.610.156	25.254.415.004	4.209.064.708	132.701.454	153.189.791.322
Thanh lý, nhượng bán	(917.064.000)	-	-	-	(917.064.000)
Số dư cuối kỳ	122.676.546.156	25.254.415.004	4.209.064.708	132.701.454	152.272.727.322
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	107.508.667.308	19.984.215.213	3.029.292.699	132.701.454	130.654.876.674
Khấu hao trong kỳ	1.195.440.789	1.572.079.284	159.228.966	-	2.926.749.039
Khác	(1.498.984.840)	200.338.114	-	-	(1.298.646.726)
Thanh lý, nhượng bán	(917.064.000)	-	-	-	(917.064.000)
Số dư cuối kỳ	106.288.059.257	21.756.632.611	3.188.521.665	132.701.454	131.365.914.987
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	16.084.942.848	5.270.199.791	1.179.772.009	-	22.534.914.648
Số dư cuối kỳ	16.388.486.899	3.497.782.393	1.020.543.043	-	20.906.812.335

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có tài sản có nguyên giá 62.827.922.440 VND (1/1/2021: 61.750.158.622 VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Trong số tài sản cố định hữu hình có một số tài sản tạm tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 12.779.986.310 VND (1/1/2021: 14.599.059.377 VND).

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	73.278.538	240.962.492	(234.966.291)	79.274.739
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.027.082.085	1.775.709.042	(1.027.082.085)	1.775.709.042
Thuế thu nhập cá nhân	46.554.277	127.040.280	(157.311.614)	16.282.943
Thuế nhà đất	656.779.002	1.537.483.434	(1.585.623.524)	608.638.912
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(8.000.000)	1.000.000
	1.803.693.902	3.690.195.248	(3.012.983.514)	2.480.905.636

(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại/ bù trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế thu nhập cá nhân	251.650	-	-	251.650
Thuế nhà đất	263.236.685	-	(134.132.247)	129.104.438
	263.488.335	-	(134.132.247)	129.356.088

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác – ngắn hạn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Nhận kí quỹ kí cược ngắn hạn	135.000.000	-
Kinh phí công đoàn	156.066.940	139.081.420
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.703.379.640	5.980.012.512
	<hr/>	<hr/>
	5.994.446.580	6.119.093.932
	<hr/>	<hr/>

15. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng tiền thuê đất đang được tạm tính theo đơn giá do UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành cho giai đoạn từ tháng 07 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 do khu đất đang sử dụng chưa có hợp đồng thuê và thông báo nộp tiền thuê đất để làm căn cứ xác định nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty đã thực hiện trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-VLC.ĐHĐCĐ/2021 ngày 19 tháng 03 năm 2021.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	24.892.385.972	19.815.491.400
Trích lập trong kỳ	5.493.042.045	5.565.557.572
Sử dụng trong kỳ	(250.904.000)	(185.100.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	30.134.524.017	25.195.948.972
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2020	631.010.000.000	31.575.087.921	164.288.498.115	826.873.586.036
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	61.347.993.651	61.347.993.651
Phân phối lợi nhuận		9.275.929.288	(9.275.929.288)	-
Chia cổ tức 2019			(37.860.600.000)	(37.860.600.000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi			(5.565.557.570)	(5.565.557.570)
Số dư tại ngày 30/6/2020	631.010.000.000	40.851.017.209	172.934.404.908	844.795.422.117
Số dư tại ngày 1/1/2021	631.010.000.000	40.851.017.209	221.447.252.241	893.308.269.450
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	56.424.823.324	56.424.823.324
Phân phối lợi nhuận (*)		10.986.084.091	(10.986.084.091)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)		-	(5.493.042.045)	(5.493.042.045)
Số dư tại ngày 30/6/2021	631.010.000.000	51.837.101.300	261.392.949.429	944.240.050.729

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-VLC ĐHCĐ/2021 ngày 19 tháng 03 năm 2021, Tổng Công ty lập Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với tỷ lệ 10% tương ứng với số tiền 10.986.084.091 VND và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với tỷ lệ 5% tương ứng với số tiền 5.493.042.045 VND. Tổng Công ty đã quyết định phân phối cổ tức cho cổ đông 600 đồng/ cổ phiếu và Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời gian chốt danh sách cổ đông và thời gian chi trả. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2021, Hội đồng quản trị chưa có quyết định danh sách cổ đông và thời gian chi trả.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	63.101.000	63.101.000.000	63.101.000	63.101.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	63.101.000	63.101.000.000	63.101.000	63.101.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	63.101.000	63.101.000.000	63.101.000	63.101.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Tổng Công ty là:

	Vốn điều lệ		Vốn đã góp	
		%	30/6/2021	1/1/2021
			VND	VND
Công ty Cổ phần GTNfoods	470.031.360.000	74,49%	470.031.360.000	470.031.360.000
Các cổ đông khác	160.978.640.000	25,51%	160.978.640.000	160.978.640.000
	631.010.000.000	100%	631.010.000.000	631.010.000.000

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Cung cấp dịch vụ	1.777.196.756	1.720.057.229

20. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	991.923.801	1.115.067.421

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Cổ tức được chia	51.102.245.700	51.167.046.000
Lãi tiền gửi và cho vay	14.046.381.911	16.837.381.195
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	475.316.881	255.812.248
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	100.000
	65.623.944.492	68.260.339.443

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.068.121.745	1.582.578.071
Chi phí khấu hao	262.073.712	1.301.552.873
Thuế, phí và lệ phí	1.196.157.630	1.391.687.495
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.633.126.311	1.515.107.463
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.700.000.000)
Chi phí bằng tiền khác	565.880.587	625.758.328
	6.725.359.985	4.716.684.230

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí khấu hao	1.190.273.645	-
Chi phí khác	473.824.068	154.109.448
	<u>1.664.097.713</u>	<u>154.109.448</u>

24. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.068.121.745	1.582.578.071
Chi phí khấu hao	437.828.668	1.616.106.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.383.259.380	1.848.635.508
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.700.000.000)
Chi phí khác	1.828.073.993	2.484.431.480
	<u>1.664.097.713</u>	<u>154.109.448</u>

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	58.227.577.925	63.788.862.379
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	11.645.515.585	12.757.772.476
Chi phí không được khấu trừ	350.642.597	285.222.172
Thu nhập không bị tính thuế	(10.220.449.140)	(10.233.409.200)
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(53.942.905)
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	-	(314.773.817)
	<u>1.775.709.042</u>	<u>2.440.868.726</u>

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng quý, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty mẹ		
<i>Công ty Cổ phần GTNfoods</i>		
Phân phối lợi nhuận	-	28.201.881.600
Các công ty liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu</i>		
Bán hàng hóa, dịch vụ	341.058.659	305.725.259
Mua cổ phần	34.068.160.000	-
Cổ tức được chia	53.657.358.000	85.170.410.000
<i>Công ty Cổ phần An Đại Việt</i>		
Mua hàng hóa	-	644.358.920
Thành viên Ban Tổng Giám đốc và		
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền lương, thưởng và thù lao	444.000.000	301.000.000

27. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động kinh doanh và đầu tư

	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Bù trừ phải thu về cho vay và dự phòng phải thu	150.000.000	-
Xóa sổ khoản phải thu khác	(1.251.723.609)	-

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo tài chính

Ngày 25 tháng 1 năm 2021, Tổng Công ty hoàn tất việc mua 1.704.408 cổ phần của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu. Ngày 4 tháng 2 năm 2021, Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lên 1.100 tỷ đồng và công bố thông tin về báo cáo kết quả việc tăng vốn, theo đó số lượng cổ phần nắm giữ sau giao dịch của Tổng công ty là 35.771.572 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 32,52%.

Ngày 19 tháng 03 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án sáp nhập và dự thảo hợp đồng Sáp nhập Công ty Cổ phần GTNfoods (“GTNfoods”) vào Tổng Công ty theo phương án phát hành thêm cổ phiếu của Tổng Công ty cho các cổ đông của GTNfoods để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu GTNfoods đang lưu hành. Tỷ lệ sáp nhập 1,6:1 (cổ đông sở hữu 1,6 cổ phiếu GTNfoods vào ngày chốt quyền sẽ hoán đổi lấy 01 cổ phiếu Tổng Công ty). Ngày 09 tháng 04 năm 2021, Tổng Công ty và GTNfoods đã ký hợp đồng sáp nhập. Hiện tại Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ đề nghị Ủy Ban Chứng Khoán thực hiện các thủ tục sáp nhập.

29. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 lần lượt được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021

Người lập:



Hoàng Thị Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc